

Số: 269/2019/QĐST-HNGĐ

Sơn Trà, ngày 22 tháng 10 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 245/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Trịnh Thị H - Sinh năm: 1979. Trú tại: Tổ M, phường Mân T, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Ông Trần Văn H - Sinh năm: 1979. Trú tại: Tổ M, phường Mân T, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Đơn yêu cầu của ông Trần Văn H và bà Trịnh Thị H nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Trần Văn H và bà Trịnh Thị H kết hôn tại Giấy chứng nhận kết hôn số 129/2003, tại UBND phường Mân T, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/8/2003. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải ông Trần Văn H trình bày ý kiến:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Văn H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn với bà Trịnh Thị H.

Tôi và bà H có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại UBND phường Mân T, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc ai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau về tình cảm, không hiểu nhau nên hay cãi vã, chúng tôi đã nhiều lần hàn gắn nhưng mâu thuẫn vẫn không được giải quyết. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Nay, chúng tôi xác định không còn tình cảm với nhau nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi được thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Chúng tôi xác định có 02 người con chung, tên là: Trần Nam V sinh ngày 24/03/2005 và Trần Nam Trúc M, sinh ngày 14/9/2011. Tôi và bà H thỏa thuận và thống nhất giao con Trần Nam V cho ông H nuôi và Trần Nam Trúc M cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng mỗi tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 01/11/2019.

- Về tài sản chung: vợ chồng chúng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: tôi xác định không có nợ chung.

* Ý kiến của bà Trịnh Thị H:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Trần Văn H có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại UBND phường Mân T, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc ai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau về tình cảm, không hiểu nhau nên hay cãi vã, chúng tôi đã nhiều lần hàn gắn nhưng mâu thuẫn vẫn không được giải quyết. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Nay, chúng tôi xác định không còn tình cảm với nhau nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi được thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Chúng tôi xác định có 02 người con chung, tên là: Trần Nam V sinh ngày 24/03/2005 và Trần Nam Trúc M, sinh ngày 14/9/2011. Tôi và bà ông H thỏa thuận và thống nhất giao con Trần Nam V cho ông H nuôi và Trần Nam Trúc M cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng mỗi tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 01/11/2019.

- Về tài sản chung: tôi xác định không có tài sản chung.

- Về nợ chung: tôi xác định không có nợ chung.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Văn H và bà Trịnh Thị H thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông H và bà H lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông H và bà H đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông H và bà H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông H và bà H là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Ông Trần Văn H và bà Trịnh Thị H xác định có 02 người con chung, tên là: Trần Nam V sinh ngày 24/03/2005 và Trần Nam Trúc M, sinh ngày 14/9/2011. Ly hôn, ông H và bà H thỏa thuận thống nhất giao con Trần Nam V cho ông Trần Văn H và giao con Trần Nam Trúc M cho bà Trịnh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/01tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày 01/11/2019.

[5] Về nợ chung: Ông Trần Văn H và bà Trịnh Thị H xác định không có nợ chung.

[6] Về tài sản chung: Ông Trần Văn H và bà Trịnh Thị H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000đồng ông Trần Văn H và bà Trịnh Thị H thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng do ông Trần Văn H và bà Trịnh Thị H đã nộp theo biên lai thu số 0008191 ngày 10/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn ông Trần Văn H và bà Trịnh Thị H (*Giấy chứng nhận kết hôn số 129/2003, UBND phường Mân T, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/8/2003 không còn giá trị pháp lý*).

- Về nuôi con chung: Ông Trần Văn H và bà Trịnh Thị H xác định có 02 người con chung, tên là: Trần Nam V sinh ngày 24/03/2005 và Trần Nam Trúc M, sinh ngày 14/9/2011. Ly hôn, ông H và bà H thỏa thuận thống nhất giao con Trần Nam V cho ông Trần Văn H và giao con Trần Nam Trúc M cho bà Trịnh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/01tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày 01/11/2019.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các

bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung;

- Về quan hệ nợ chung: Ông Trần Văn H và bà Trịnh Thị H xác định không có nợ chung.

- Về tài sản chung: Ông Trần Văn H và bà Trịnh Thị H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Trần Văn H và bà Trịnh Thị H thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng do ông Trần Văn H và bà Trịnh Thị H đã nộp theo biên lai thu số 0008191 ngày 10/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- UBND phường Mân T
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã Ký

DƯƠNG THỊ KIM NHUNG